

Số: 08 /2017/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 20 tháng 9 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bổ sung nội dung Quy định quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị và bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa sử dụng vốn Ngân sách tỉnh và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) ban hành kèm theo Quyết định số 3637/2016/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của UBND tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích;

Căn cứ Thông tư số 06/2008/TT-BXD ngày 20/3/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn Quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 2826/TTr-SXD ngày 17/8/2017 về việc sửa đổi, bổ sung nội dung quy định quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị và bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa sử dụng vốn Ngân sách tỉnh Quảng Ninh và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) và Báo cáo thẩm định số 180/BC-STP ngày 14/8/2017 của Sở Tư pháp,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Sửa đổi bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 3637/2016/QĐ-UBND ngày 31/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định quản lý chi phí dịch vụ công ích đô thị và bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa sử dụng vốn Ngân sách tỉnh Quảng Ninh và các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP), như sau:

1. Bổ sung khoản 3, Điều 4 như sau:

“3. Đối với công tác phát sinh dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị và bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa: Các cơ quan được giao quản lý vốn căn cứ vào điều kiện thực tế để quyết định lựa chọn phương thức đấu thầu hoặc đặt hàng cho phù hợp.”

2. Bổ sung khoản 3, Điều 8 như sau:

“3. Trong trường hợp đặc biệt như: Thiên tai (lũ lụt, mưa bão...), địch họa, cháy nổ..., dự toán dịch vụ công ích đô thị phát sinh lớn hơn giá trị chi phí dự phòng theo quy định, các đơn vị được giao quản lý vốn căn cứ tình hình thực tế,

cân đối nguồn kinh phí để chủ động tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị”.

3. Sửa đổi khoản 2, bổ sung khoản 3;4 Điều 9 như sau:

“2. Sở Xây dựng thẩm định dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị và bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa định kỳ hàng năm để các cơ quan được giao quản lý vốn căn cứ phê duyệt dự toán và bố trí vốn thực hiện công tác dịch vụ công ích, trừ nội dung quy định tại khoản 3, khoản 4 điều này.

3. Sở Giao thông Vận tải thẩm định dự toán chi phí bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa theo phân cấp sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh.”

4. Đối với các công tác phát sinh dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị và bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa các cơ quan được giao quản vốn căn cứ vào hệ thống định mức, đơn giá dịch vụ công ích đã được công bố để lập, thẩm định và phê duyệt.”

4. Sửa đổi điểm đ, khoản 1, Điều 15 như sau:

“đ. Thẩm định dự toán chi phí dịch vụ công ích định kỳ hàng năm để các cơ quan được giao quản lý vốn căn cứ triển khai, thực hiện.”

5. Sửa đổi điểm a, khoản 2, Điều 15 như sau:

“a. Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt dự toán chi phí bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa theo phân cấp sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh.”

6. Sửa đổi điểm a, bổ sung điểm c, khoản 5, Điều 15 (quy định trách nhiệm của UBND các huyện, thị xã, thành phố), như sau:

“a. Xác định dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị và bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa định kỳ hàng năm (theo phân cấp) trình Sở Xây dựng thẩm định để làm cơ sở phê duyệt, bố trí nguồn vốn và thực hiện việc quản lý chi phí theo quy định này.”

c. Tổ chức lập, thẩm định và phê duyệt đối với các công tác phát sinh dự toán chi phí dịch vụ công ích đô thị và bảo dưỡng thường xuyên đường bộ, đường thủy nội địa theo quy định. Đồng thời, gửi kết quả thẩm định, phê duyệt dự toán về Sở Xây dựng theo dõi, quản lý.”

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3: Các Ông (bà): Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các tổ chức có liên quan và các cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
 - CT, các PCT UBND tỉnh;
 - Như Điều 3;
 - V0-4, XD1-5, GT1,2, TM1-4;
 - Lưu VT, XD4.
- 40bQĐ 9-04

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Điện